TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 24 - 5 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hải Biển - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** Ông Nay Gơm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. A; sinh ngày 06/8/1998 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: buôn R, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/01/2018 liên tục cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. B; sinh năm 1993 tại huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông L và bà M; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/5/2018 liên tục cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo A và B:

Bà V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người bị hại:

+ Ông W, sinh năm 1956

Địa chỉ: buôn R, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh C, sinh năm 1995

Địa chỉ: buôn R, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: buôn R, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Anh C1, sinh năm 1979

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh D, sinh năm 1986

Địa chỉ: thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A là cháu ngoại và sống cùng nhà với vợ chồng ông W tại buôn R, xã C. Vào khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày 01/10/2017, A phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81S4-7960 nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius của ông W để trước nhà. Lợi dụng lúc ông W ở trong nhà không để ý, A đã lấy trộm chìa khóa xe của ông W và mở khóa điện, ngồi lên xe, đạp nổ máy rồi điền khiển xe chạy trốn. Từ đó A sử dụng xe trên làm phương tiện đi lại và không về nhà nữa. Trước đó trong một lần sử dụng xe của ông W thì A đã giữ giấy đăng ký chủ sở hữu chiếc xe trên. A biết rõ chiếc xe này đăng ký tên mẹ của A (bà H) nhưng đã bán lại cho ông W. Ngày 04/10/2017 A đã nhờ người chú họ là B mang xe này đi bán. B mặc dù biết rõ xe mô tô biển kiểm soát 81S4-7960 là do A trộm cắp của ông W mà có (vì trước đó Bđã nghe thông tin ông W bị mất xe) nhưng vì hám lợi, B đã đưa ly đến cửa hàng xe máy của anh C1 ở thị trấn P bán chiếc xe trên. B đồng ý bán chiếc xe trên cho anh C1 với giá 6.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 6.000.000 đồng từ anh C1 thì B đã tự giữ lại số tiền 500.000 đồng (coi đây là tiền công mà B bán xe) chỉ đưa cho A số tiền 5.500.000 đồng và A đã sử dụng số tiền trên tiêu xài hết.

Ngày 05/10/2017 trong lúc ngồi nhậu với C thì nghe B nói mới bán chiếc xe Sirius giá rẻ, do lúc này C cũng muốn mua xe nên C nhờ B dẫn đến cửa hàng xe máy anh C1 để mua lại chiếc xe trên với giá 7.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ C thì B lấy 300.000 đồng tiền công rồi đưa cho anh C1 6.700.000 đồng. Ngày 29/11/2017 ông W thấy C sử dụng chiếc xe trên của ông nên đã làm đơn trình báo Công an. Tại cơ quan điều tra A và B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 13/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 81S4-7960 có giá là 11.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với hành vi mua xe mô tô 81S4-7960 của anh C1. Qua điều tra xác định anh C1 không biết trước rằng chiếc xe mô tô trên là tài sản do A trộm cắp mà có, cửa hành anh C1 có giấy phép kinh doanh theo quy định nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pa không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 16/CT -VKS ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây gọi tắt là: BLHS 2015), bị cáo B về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Sau đây gọi tắt là: BLHS 1999).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có quan điểm đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo A phạm vào tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo B về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo A từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo B từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: không phạt bổ sung đối với các bị cáo A và B vì là người dân tộc thiểu số không có tài sản gì.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo A và B đồng ý với bản luận tội của đại diện VKSND huyện Krông Pa về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ cũng như về hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: vào ngày 01/10/2017 lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông W thì bị cáo A đã lén lút, bí mật thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô tô biển kiểm soát 81S4-7960 của ông W có trị giá 11.500.000 đồng.

Còn bị cáo B biết rõ xe mô tô tô biển kiểm soát 81S4-7960 là tài sản do A trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp sức đưa đi tiêu thụ để thu lợi bất chính.

Như vậy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo A và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo B với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo A phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015; bị cáo B phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về điều luật áp dụng: Hành vi nêu trên của bị cáo A đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Tuy nhiên căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, đối chiếu hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS 1999 và khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015 thì ngang bằng nhau nên hành vi của bị cáo A Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đã đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 để xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo B đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999. Đối chiếu hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS năm 2015 thì khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999 nhẹ hơn nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đã đề nghị HĐXX áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo B cũng là phù hợp.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo A và B không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015 và khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo A và B là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là điều cần thiết.

[5.1] Bị cáo A là người một mình trực tiếp khởi xướng và thực hiện rất tích cực trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của ông W, nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản này. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo A.

[5.2] Đối với bị cáo B là người trực tiếp giúp sức đưa bị cáo A đi tiêu thụ tài sản, mặc dù biết rõ xe mô tô này do trộm cắp mà có nhưng vì ham lợi bất chính. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo B phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội này của mình. Tuy nhiên bị cáo A không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, thật sự có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015.

Các bị cáo A và B là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, có nhận thức về pháp luật, xã hội còn hạn chế, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện Krông Pa, bị cáo A đã tác động mẹ của mình cùng với bị cáo B bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C1 và anh C xong, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho các bị cáo A và B.

[6] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên và người bào chữa cho các bị cáo Avà B:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 mà kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị áp dụng cho 02 bị cáo là không chính xác, vì tình tiết bị cáo A tác động mẹ ruột là bà H cùng với bị cáo B bồi thường là cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C1 và C chứ

không phải bồi thường trực tiếp cho bị hại nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 02 Điều 51 của BLHS 2015.

Về mức hình phạt mà kiểm sát viên và người bào chữa đề nghị cho các bị cáo hưởng áo treo thì HĐXX nhận thấy tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn huyện K nói chung và xã C nói riêng thì loại tội phạm trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Các bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của BLHS 2015 cho các bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định là có căn cứ pháp lý và phù hợp với tính nhân đạo của Nhà nước. Nhưng vẫn cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo là xử phạt các bị cáo hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn.

[7] Về vấn đề liên quan khác:

Đối với hành vi mua xe mô tô biển kiểm soát 81S4-7960 của anh C1. Qua điều tra xác định anh C1 không biết trước rằng chiếc xe mô tô trên là tài sản do A trộm cắp mà có, cửa hàng anh C1 có giấy phép kinh doanh theo quy định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pa không đề cập xử lý là có căn cứ, nay HĐXX không đề cập đến.

[8]Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra xác định hoàn cảnh gia đình bị cáo A và B có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo A chiếm đoạt được của ông W đã được thu giữ và trả lại cho bị hại xong. Trong giai đoạn điều tra bị cáo A đã tác động mẹ mình là bà H trả lại số tiền mua xe cho anh C1 xong; anh C1 cùng bị cáo B cũng đã trả lại số tiền bán xe cho anh C xong. Anh C1, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt không có yêu cầu gì thêm, ông W, bà H tại phiên tòa cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét đề cập đến nữa.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo A và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* và bị cáo B phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51và khoản 3 Điều 54 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo A 05*(Năm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/01/2018.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 250 của BLHS 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo B 04*(Bốn)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/5/2018.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo A và B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2018), còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C1, anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL&NVLQ;
-Chi cục THADS h. Krông Pa;
-Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản